

Số:80/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 09/6/2020

*V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng;

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền;  
Ông Ngô Tiến Phong

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan  
-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2020/TLPT- HN&GD ngày 13 tháng 3 năm 2020. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 29/2019/HN&GD-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:78/2020/QĐPT- HN&GD ngày 27/4/2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/QĐ-HPT ngày 20/5/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (có mặt).

HKTT và chỗ ở : Số 23 ngõ 10 tổ 9, khu tập thể học viện quân y 103, phường Phúc La, quận Đ, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Ông Ngô Doãn S, sinh năm 1954 (có mặt).

HKTT: Số 23 ngõ 10 tổ 9, khu tập thể học viện quân y 103, phường Phúc La, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Trú tại: Tổ dân phố số 2, phường Hoàng Mai, quận Đ, Hà Nội

**Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1.Ông Lê Văn B, trú tại tổ dân phố số 4, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1962, trú tại: Số 408 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Văn phòng công chứng Trần Gia. Có đơn xin xét xử vắng mặt.  
Địa chỉ: Lô E1 khu BH, phường C, quận Đ, Hà Nội.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Doãn S kết hôn năm 1980. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do không có con chung. Về phần tài sản : Trước khi bà làm đơn ly hôn ra Tòa, tất cả tài sản vợ chồng ông S là người đã chia từ ngày 28/11/2012 tại Văn phòng công chứng Trần Gia. Cụ thể ông S và bà T đã thỏa thuận ký hai hợp đồng tặng cho nhau với nội dung:

Ông S tặng cho bà T một phần quyền sử dụng đất của ông tại Số 23 ngõ 10 tổ 9, khu tập thể học viện quân y 103, phường Phúc La, quận Đ, Hà Nội.

Bà T tặng cho ông S một phần quyền sử dụng đất của bà T tại thửa số 355, tờ bản đồ số 01 tại tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, Hà Nội.

Hiện nay của ai người đó sử dụng không còn tài sản chung và riêng nào nữa. Bà đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên theo hai hợp đồng tặng cho công chứng này, cụ thể bà được toàn quyền sở hữu sử dụng nhà đất tại Số 23 ngõ 10 tổ 9, khu tập thể học viện quân y 103, phường Phúc La, quận Đ, Hà Nội còn ông S được toàn quyền sử dụng nhà đất tại thửa số 355, tờ bản đồ số 01 tại tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, Hà Nội.

Việc ông S yêu cầu phá bỏ sự thỏa thuận phân chia tài sản trước đây là sự thay đổi, bà không chấp nhận.

**Bị đơn ông Ngô Doãn Sâm khai:** Quá trình chung sống vợ chồng phát triển những tài sản gồm:

- Ngôi nhà hai tầng trên diện tích đất 43,5m<sup>2</sup> tại số 23, ngõ 9 tập thể học viện 103, phường L, quận Đ, Hà Nội đã được cấp bìa đỏ mang tên ông bà Sâm. Ông S cho rằng nhà đất là tiêu chuẩn của cá nhân ông do ông là cán bộ trong học viện quân y 103 nên ông không đồng ý chia đôi mà ông yêu cầu được hưởng 65% trị giá nhà đất.

- Đất diện tích 219,4m<sup>2</sup> thửa số 355, tờ bản đồ số 01 tại tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, Hà Nội, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Ngô Doãn S và Nguyễn Thị T. Ông S không đồng ý theo thỏa thuận tại văn phòng công chứng Trần Gia và cho rằng đất của bố mẹ ông bà T không có công sức nên ông không đồng ý cho bà T hưởng đất này.

3. Về nợ:

Bà T khai: Vợ chồng không nợ ai.

Ông S khai: Ông có vay ông Lê Văn B 500.000.000đ để mua ô tô năm 2010, nếu bà T không thừa nhận khoản vay này thì ô tô là của ông và ông có trách nhiệm trả nợ số tiền vay trên.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lê Văn B khai: Ông có cho ông S vay 500.000.000 đồng để mua ô tô năm 2010, quá trình vay ông S đã trả được cho ông là 350.000.000 đồng, khi vay bà T có biết nhưng khi làm giấy thì chỉ có mình ông S ký. Nay ông S, bà T ly hôn ông không đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho ông S.

Văn phòng công chứng Trần Gia có ý kiến:

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 01706.2012, quyền số 03 TP/CC-SC/HĐGD với nội dung cơ bản: Bà Nguyễn Thị T tặng cho ông Ngô Doãn S quyền sử dụng diện tích 219,4 m<sup>2</sup> Tờ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 01707.2012 quyền số 3TP/CC-SC/HĐGD Ngày 28/11/2012 ông Ngô Doãn S tặng cho bà T 43,4 m<sup>2</sup> đất tại số 23 ngõ 9 Tập thể Học viện quân y 103, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Nay ông S đề nghị xin hủy 2 hợp đồng tặng cho đã công chứng tại văn phòng công chứng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại bản án HNGĐ sơ thẩm số 28/2013/ ngày 23/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Đ đã xử:

- Cho bà T và ông S ly hôn; Giao cháu Sơn cho bà T nuôi, ông S cấp dưỡng 01 triệu đồng/ 1 tháng; Về tài sản, công nợ cụ thể:

- Động sản: Ghi nhận sự tự nguyện của ông S tiếp tục giao cho bà T được sở hữu bộ bàn ghế, máy giặt, tủ trang trí, tivi có tổng trị giá 24.000.000 đồng và 01 chiếc sập gỗ; Giao cho ông S sở hữu chiếc ô tô Laceti BKS 30Z-1877 trị giá 350.000.000 đồng

- Bất động sản: không chấp nhận yêu cầu chia tài sản là phần xây dựng là nhà cấp 4 tại tổ 3, phường Đồng Mai, Đ, Hà Nội của ông Ngô Doãn S.

- Giao cho bà T sở hữu, sử dụng nhà đất tại số 23, ngõ 9 học viện quân y 103, phường L, Đ, Hà Nội.

- Giao cho ông S được sử dụng đất tại thửa số 355, tờ bản đồ số 01 tại tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, Đ, Hà Nội.

- Bà T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông S số tiền là 275.218.200 đồng.

Tại bản án phúc thẩm số 42/HNGĐ-PT ngày 14/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử:

- Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần chia kỷ phần và thanh toán chênh lệch tài sản: Buộc bà T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông S số tiền là 656.945.080 đồng. Các phần khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Sau khi phúc thẩm cả ông S và bà T đều có đơn khiếu nại Tại bản án Giám đốc thẩm số 05/2015/HNGĐ-GĐT ngày 15/9/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

Hủy phần tài sản của bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 42/HNGĐ- PT ngày 24/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giao hồ sơ về TAND thành phố Hà nội xét xử phúc thẩm lại về phần tài sản.

Tại bản án phúc thẩm số 16/2016/HNGĐ-PT ngày 13/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Hủy phần tài sản của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 28/2013/HNGĐ-ST ngày 23/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Đ, giao hồ sơ về TAND quận Đ xét xử lại về phần tài sản theo thủ tục chung.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 29/2013/HNGĐ- ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ đã xét xử: Xác nhận tài sản chung của vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Doãn S gồm: 01 Nhà 3 tầng tại số 23, ngõ 9 tập thể học viện 103, phường L, quận Đ, Hà Nội trị giá 1.524.172.360 đồng; Quyền sử dụng 219,4 m2 đất tại tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, thành phố Hà Nội trị giá= 1.097.000.000 , giá trị chiếc xe ô tô đã bán 200.000 000 đồng.Tổng cộng 2.821.172.360 đồng và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế salon đời mới ; 01 tủ đứng trang trí; 01 sập mua năm 2009 ; 01 ti vi 40inh mua năm 2009; 01 máy giặt mua năm 2009.

## 2. Phân chia cụ thể :

+ Giao cho bà Nguyễn Thị T quyền sở hữu , sử dụng 01 Nhà 3 tầng tại số 23, ngõ 9 tập thể học viện 103, phường L, quận Đ, Hà Nội trị giá 1.524.172.360 đồng.

+ Giao cho ông Ngô Doãn S quyền sử dụng 219,4 m2 đất tại tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, thành phố Hà Nội trị giá= 1.097.000.000 , giá trị chiếc xe ô tô đã bán 200.000 000 đồng.Tổng cộng 1.297.000.000 đồng.

+ Bác yêu cầu chia tài sản là phần xây dựng là nhà cấp 4 tại tổ 3, phường Đồng Mai, Đ, Hà Nội của ông Ngô Doãn S.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của ông S giao số tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 bộ bàn ghế salon đời mới ; 01 tủ đứng trang trí; 01 sập mua năm 2009 ; 01 ti vi 40inh mua năm 2009; 01 máy giặt mua năm 2009 cho bà T sử dụng.

### 3. Phân thanh toán giữa các bên:

Bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông S tiền chênh lệch tài sản là 362.986.180 đồng ( ba trăm sáu hai triệu, chín trăm tám sáu nghìn, một trăm tám mươi đồng)

4. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 01706.2012 quyền số 3TP/CC-SC/HĐGD Ngày 28/11/2012 và Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 01707.2012 quyền số 3TP/CC-SC/HĐGD Ngày 28/11/2012 đều lập tại Văn phòng công chứng Trần Gia.

### 5. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngày 28 tháng 06 năm 2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo, ngày 05/7/2019 bị đơn ông Ngô Doãn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đều với lý do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều tự nguyện, thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung cho bà T và ông S cụ thể như sau: Bà T được quyền sở hữu và sử dụng 01 Nhà 3 tầng tại số 23, ngõ 9 tập thể học viện 103, phường L, quận Đ, Hà Nội; Ông S được quyền quản lý và sử dụng 219,4 m<sup>2</sup> đất tại thửa 355 tờ bản đồ số 1 tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, thành phố Hà Nội.. Ông bà không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho nhau. Ngoài ra ông bà không còn tài sản chung nào khác. Về nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội kết luận tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận cho các bên đương sự như nội dung đã thỏa thuận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong thời hạn kháng cáo là hợp lệ.

[2]. Về nội dung

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cùng lời khai của các đương sự xác định: Tài sản chung của bà T ông S tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có:

- 01 Nhà 3 tầng tại số 23, ngõ 9 tập thể học viện 103, phường L, quận Đ, Hà Nội có trị giá 1.524.172.360 đồng. ( Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 688709, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0452 do UBND thị xã Đ cấp ngày 27/7/2005 )

- Quyền sử dụng 219,4 m<sup>2</sup> đất tại thửa 355 tờ bản đồ số 1 tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, thành phố Hà Nội có trị giá 1.097.000.000 đồng. Ngoài ra ông bà còn một số tài sản chung khác là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T và ông S đã tự nguyện thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung và đề nghị tòa án ghi nhận sự thỏa thuận như sau: Bà T được quyền sở hữu và sử dụng 01 Nhà 3 tầng tại số 23, ngõ 9 tập thể học viện 103, phường L, quận Đ, Hà Nội; Ông S được quyền quản lý và sử dụng 219,4 m<sup>2</sup> đất tại thửa 355 tờ bản đồ số 1 tổ dân phố 2, phường Đồng Mai, quận Đ, thành phố Hà Nội. Ông bà không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho nhau. Ngoài ra ông bà không còn tài sản chung nào khác. Về nợ chung: Không có

Xét việc thỏa thuận tự phân chia tài sản chung sau ly hôn tại phiên tòa của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là có căn cứ, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 29, điều 33, điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1Xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn sửa bản án sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Đ, cụ thể như sau:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia tài sản chung như sau:

-Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng 01 Nhà 3 tầng tại số 23, ngõ 9 tập thể học viện 103, phường L, quận Đ, Hà Nội.( Đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AC 688709, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0452 do UBND thị xã Đ cấp ngày 27/7/2005 )

-Ông Ngô Doãn S được quyền quản lý và sử dụng 219,4 m<sup>2</sup> đất tại tổ dân phố số 2, phường Đồng Mai, quận Đ, thành phố Hà Nội. ( Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 543029, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-68 ĐM do UBND thành phố Đ cấp ngày 31/10/2007 )

Hai bên không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho nhau và phải có trách nhiệm làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục pháp lý quyền về tài sản riêng.

Ngoài ra bà T và ông S không còn tài sản chung nào khác.

2.Về nợ chung: Không có.

3.Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà T và ông S. Bà T được hoàn lại 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại BL số 0000861 ngày 28/11/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2020.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án quận Đ;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Thu Hồng**







